

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B, sinh ngày 25/6/1990. Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị B trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân:* Chị B và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào tháng 8/2019 tại UBND xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống được 01 năm thì phát sinh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau thường hay cự cãi nên đời sống hôn nhân không hòa thuận như lúc chung sống ban đầu, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

+ *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/8/2019 hiện tại chị B đang nuôi dưỡng, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị B không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phong không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh P vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị B yêu cầu xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/8/2019 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung chị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị B và anh P là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa hôm nay chị Đinh Thị B có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Phong đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh P

vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị B và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/8/2019 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị B và anh P là hợp pháp.

Theo lời khai của chị B thì chị và anh P kết hôn từ tháng 8/2019 cho đến tháng 9/2020 vợ chồng ly thân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh P, về phía anh P mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng anh Phong đã nhận nhưng anh P không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân của anh chị, điều đó chứng tỏ rằng anh P không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị B, mặc khác qua xác minh của Tòa án thì mẹ anh P trình bày có nghe anh P nói lại là giữa anh P và chị B đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị B không sống chung với bà, anh P thì đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu về nhà một lần. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị B và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Hiện tại chị B đang nuôi dưỡng, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi.

Xét thấy con chung của chị B và anh P từ khi vợ chồng ly thân chị B nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị và con gắn bó hơn, mặc khác cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/8/2019 đến nay chưa được 36 tháng tuổi nên cần giao con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.
- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/8/2019 cho chị Đinh Thị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.
- Về nợ chung: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008253 ngày 08/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị B đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh